CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo

Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 51/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo.[1]

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo (sau đây gọi chung là chi phí đào tạo) đối với người học chương trình giáo dục cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được hưởng học bổng và chi phí đào tạo từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với nhà nước Việt Nam mà không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi tốt nghiệp.

2. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Người học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đi học tập ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả chương trình giáo dục theo Hiệp định ký kết với nhà nước Việt Nam);

---

[1] Nghị định số 51/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo."

b)[2] Người học được tham gia chương trình đào tạo ở trong nước bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc theo các Đề án đặt hàng đào tạo do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt có sử dụng nguồn ngân sách nhà nước;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện bồi hoàn chi phí đào tạo.

3. Nghị định này không áp dụng đối với người học là cán bộ, công chức, viên chức và người học theo chế độ cử tuyển.

Điều 2. Nguyên tắc bồi hoàn chi phí đào tạo

1. Người học quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 của Nghị định này và gia đình người học ở Việt Nam (gồm: bố, mẹ đẻ hoặc chồng, vợ hoặc người đại diện hợp pháp khác của người học) có cam kết việc bồi hoàn toàn bộ chi phí đào tạo được cấp từ ngân sách nhà nước theo các quy định tại Nghị định này. Trong trường hợp người học không trở về Việt Nam sau khi tốt nghiệp để chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì gia đình người học ở Việt Nam có trách nhiệm bồi hoàn chi phí đào tạo.

2. Người học quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 của Nghị định này có cam kết việc bồi hoàn toàn bộ hoặc một phần chi phí đào tạo được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước theo các quy định tại Nghị định này.

3. Toàn bộ số tiền bồi hoàn chi phí đào tạo được nộp về ngân sách nhà nước.

4. Việc bồi hoàn chi phí đào tạo bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

Điều 3. Trường hợp bồi hoàn chi phí đào tạo

1. Người học quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 1 của Nghị định này không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày người học được công nhận tốt nghiệp.

Trường hợp sau khi tốt nghiệp, nếu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tiếp tục học tập, thì thời hạn 12 tháng tính từ ngày được công nhận tốt nghiệp khóa học tiếp theo.

2. Người học chưa chấp hành đủ thời gian làm việc theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này mà tự ý bỏ việc.

Điều 4. Thời gian làm việc theo sự điều động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Người học theo học trình độ cao đẳng, trình độ đại học sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gấp 2 (hai) lần thời gian được hưởng chi phí đào tạo.

---

[2] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 của Nghị định số 51/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2026.

2. Người học theo học trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gấp 3 (ba) lần thời gian được hưởng chi phí đào tạo.

Điều 5. Chi phí bồi hoàn và cách tính chi phí bồi hoàn

1. Chi phí bồi hoàn bao gồm: Học phí, học bổng và các khoản chi phí khác phục vụ cho khóa học đã được ngân sách nhà nước cấp.

2. Chi phí đào tạo được cấp bao gồm: Học phí, học bổng, sinh hoạt phí và các khoản chi phí khác đã được ngân sách nhà nước cấp cho người học theo chế độ quy định.

3. Cách tính chi phí bồi hoàn:

a) Đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Nghị định này, người học phải bồi hoàn 100% chi phí đào tạo được cấp từ ngân sách nhà nước.

b) Đối với người học quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Nghị định này thì chi phí bồi hoàn được tính theo công thức sau:

$S = (F / T1) \times (T1 - T2)$

Trong đó:

- S là chi phí bồi hoàn;

- F là chi phí đào tạo được cấp;

- T1 là thời gian làm việc theo sự điều động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được tính bằng số tháng làm tròn;

- T2 là thời gian đã làm việc sau khi được điều động được tính bằng số tháng làm tròn.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định việc bồi hoàn chi phí đào tạo

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đi học và cấp chi phí đào tạo từ ngân sách nhà nước quyết định việc bồi hoàn chi phí đào tạo đối với người học vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Nghị định này.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý người lao động quyết định việc bồi hoàn chi phí đào tạo đối với người học vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Nghị định này.

Điều 7. Trả và thu hồi chi phí bồi hoàn

1.[3] Chậm nhất trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học hoặc gia đình người học ở Việt Nam có trách nhiệm nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn.

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 2 của Nghị định số 51/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2026.

2. Chi phí bồi hoàn được nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và theo quy định của Luật ngân sách nhà nước về quản lý khoản thu hồi nộp ngân sách.

3. Trường hợp người học hoặc gia đình người học ở Việt Nam không thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bồi hoàn có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp người học hoặc gia đình người học ở Việt Nam chậm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn theo thời hạn thì phải chịu lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với khoản tiền chậm bồi hoàn. Nếu Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn thì người học hoặc gia đình người học ở Việt Nam phải chịu lãi suất áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn.

Điều 7a. Xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn[4]

1. Trường hợp người học được xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn:

a) Xóa chi phí bồi hoàn trong trường hợp người học đã chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết theo quy định của pháp luật;

b) Miễn chi phí bồi hoàn một trong các trường hợp sau:

Người học được cơ sở y tế có thẩm quyền xác nhận không đủ sức khỏe để làm việc;

Người học chấp hành nghĩa vụ làm việc chưa đủ thời gian theo quy định nhưng sau đó được cơ quan có thẩm quyền quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái hoặc chuyển công tác đến vị trí khác;

Người học do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng nên không thể chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc bồi hoàn xem xét, quyết định việc miễn chi phí bồi hoàn đối với trường hợp này.

2. Thẩm quyền, thủ tục xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn:

a) Cơ quan nhà nước hoặc thủ trưởng cơ quan quản lý người lao động có thẩm quyền quyết định việc bồi hoàn theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 143/2013/NĐ-CP có thẩm quyền xem xét, quyết định việc xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn (sau đây gọi là cơ quan có thẩm quyền);

---

[4] Điều này được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 51/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo, có hiệu lực kể từ 26 tháng 3 năm 2026.

b) Hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn (theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

Bản sao một trong các loại giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn theo quy định tại khoản 1 Điều này: giấy chứng tử hoặc giấy khai tử hoặc trích lục khai tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố người học là đã chết; giấy xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền trong nước hoặc nước ngoài về việc người học không đủ sức khỏe để làm việc (trường hợp giấy xác nhận bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt); quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái hoặc chuyển công tác của cơ quan có thẩm quyền; văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận lý do khách quan, bất khả kháng khiến người học không thể chấp hành điều động làm việc.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác được các thông tin trên từ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc từ cơ quan nhà nước thì người học hoặc gia đình người học không cần phải cung cấp các văn bản trên và chỉ cần cung cấp thông tin để có cơ sở đối chiếu, khai thác dữ liệu;

c) Trình tự thực hiện:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc bồi hoàn thông báo cho người học hoặc gia đình người học về việc người học phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn. Nếu thuộc trường hợp được xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn theo quy định tại khoản 1 Điều này thì người học hoặc gia đình người học nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này qua đường bưu điện hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản này trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày ra thông báo.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn, nếu hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thông báo cho người học hoặc gia đình người học bổ sung và hoàn thiện theo quy định.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản này xem xét, ra quyết định xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn cho người học; trường hợp không đủ điều kiện xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn thì ra quyết định bồi hoàn chi phí đào tạo. Quyết định xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn, quyết định bồi hoàn chi phí đào tạo (theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) được gửi cho người học hoặc gia đình người học và đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc bồi hoàn chi phí đào tạo;

d) Hết thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày ra thông báo, nếu không nhận được tài liệu, minh chứng của người học hoặc gia đình người học thì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định bồi hoàn chi phí đào tạo đối với người học. Việc trả và thu hồi chi phí bồi hoàn thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 143/2013/NĐ-CP.

Điều 8. Hiệu lực thi hành[5]

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2013.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Số: 01 /VBHN-BGDĐT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Phúc

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cổng TTĐT Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, PC.

---

[5] Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 51/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 3 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người học phải bồi hoàn chi phí đào tạo theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 143/2013/NĐ-CP.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, người học đang trong quá trình xét chi phí bồi hoàn và chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định việc bồi hoàn chi phí đào tạo thì được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 143/2013/NĐ-CP và quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị định này."

PHỤ LỤC[6]

(Kèm theo Nghị định quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn
Mẫu số 02	Quyết định xóa chi phí bồi hoàn/Quyết định miễn chi phí bồi hoàn/Quyết định bồi hoàn chi phí đào tạo

[6] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 51/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo, có hiệu lực kể từ 26 tháng 3 năm 2026.

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA HOẶC MIỄN CHI PHÍ BỒI HOÀN (1)

Kính gửi: ..... (2)

Tôi là: (3).....

Số định danh cá nhân: .....

Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại: .....

Email: .....

Đề nghị xóa/miễn chi phí bồi hoàn như sau:

Họ và tên người học: .....

Được cử đi học theo Quyết định số… ngày… của…….....

Cơ sở giáo dục đến học: .....

Trình độ đào tạo: .....

Ngành/nghề đào tạo: .....

Thời gian đào tạo theo Quyết định cử đi học:.....

Ngày tốt nghiệp/Thời gian đã chấp hành nghĩa vụ làm việc theo quy định: .....

Lý do đề xuất xóa/miễn chi phí bồi hoàn:.....

Tài liệu, minh chứng kèm theo: (4).....

Trân trọng đề nghị Quý cơ quan xem xét, quyết định việc xóa/miễn chi phí bồi hoàn như trên.

....., ngày ... tháng ... năm .....
Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ đề nghị xóa hay miễn chi phí bồi hoàn

(2) Cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn.

(3) Ghi rõ là người học hay bố, mẹ đẻ hoặc chồng, vợ hoặc người đại diện hợp pháp khác của người học.

(4) Nêu rõ loại giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp được xóa hoặc miễn chi phí bồi hoàn theo quy định tại Nghị định này.

Mẫu số 02

...(1)...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-.....	*..., ngày... tháng... năm .....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc .....(2).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH.....(3).....

Căn cứ..... (4).....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều... ..... (5).....

Điều... …….....(6).....

Điều... .....(7).....

Nơi nhận:
- Như Điều...;
- .....;
- Lưu: VT, (8) A.xx (9).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định.

(2) Ghi rõ xóa hay miễn hay bồi hoàn chi phí đào tạo.

(3) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(4) Nêu các căn cứ để ban hành quyết định *(văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức ban hành quyết định; các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định).*

(5) Ghi rõ nội dung quyết định.

(6) Hiệu lực thi hành của quyết định.

(7) Trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(9) Ký hiệu người đánh máy, nhân bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).